

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai 2003; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 06/6/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 202/TTr-STNMT ngày 25/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ với các nội dung chủ yếu, như sau:

1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính : ha

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2010		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp trên phân bổ (ha)	Địa phương xác định (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	Tổng diện tích tự nhiên	1.612,00	100,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	1.304,50	80,92	1.249,63	1.249,63	1.249,63	77,52
1.1	Đất lúa nước	105,10	8,06	100,75	100,75	100,75	8,06
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	183,45	14,06	176,13	176,13	176,13	14,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	937,06	71,83	910,43	910,43	910,43	72,86
1.4	Đất rừng sản xuất	73,15	5,61	53,08	53,08	53,08	4,25

1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	5,74	0,44	9,24	9,24	9,24	0,74
2	Đất phi nông nghiệp	287,81	17,85	342,68	342,68	342,68	21,26
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp	0,40	0,14	2,40	2,40	2,40	0,70
2.2	Đất quốc phòng	60,20	20,92	60,20	60,20	60,20	17,57
2.3	Đất an ninh	-	-	0,56	0,56	0,56	0,16
2.4	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	0,02	0,01	2,00	2,00	2,00	0,58
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,85	0,30	0,85	0,85	0,85	0,25
2.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,75	1,65	4,75	4,75	4,75	1,39
2.7	Đất sông, suối	9,93	3,45	9,93	9,93	9,93	2,90
2.8	Đất phát triển hạ tầng	168,74	58,63	202,32	202,32	202,32	59,04
2.9	Đất ở tại đô thị	42,92	14,91	59,67	59,67	59,67	17,41
3	Đất chưa sử dụng	19,69	1,22	19,69	19,69	19,69	1,22
B	Đất đô thị	1.612,00	100,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00	100,00
C	Đất khu du lịch	-	-	-	198,22	198,22	12,30

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Cả thời kỳ	Phân theo kỳ	
				Kỳ đầu	Kỳ cuối
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	54,87	42,84	12,03
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	4,35	4,35	
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	7,32	5,34	1,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	23,13	17,43	5,70
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	20,07	15,72	4,35

(Vị trí các loại đất trong quy hoạch sử dụng đất được thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ tỉnh, Đắk Lắk tỷ lệ 1/5.000).

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ với các chỉ tiêu, sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính : ha

STT	Chỉ tiêu	Diện tích năm hiện trạng (ha)	Diện tích đến các năm				
			2011	2012	2013	2014	2015
A	Tổng diện tích tự nhiên	1.612,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00
1	Đất nông nghiệp	1.304,50	1.302,85	1.297,81	1.288,24	1.279,00	1.261,66
1.1	Đất lúa nước	105,10	104,25	103,25	102,25	101,25	100,75
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	183,45	183,45	183,45	182,47	180,52	178,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	937,06	935,16	933,16	927,91	924,56	916,13
1.4	Đất rừng sản xuất	73,15	73,15	71,11	67,77	64,43	57,43
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	5,74	6,84	6,84	7,84	8,24	9,24
2	Đất phi nông nghiệp	287,81	289,46	294,50	304,07	313,31	330,65
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp	0,40	0,55	0,55	0,70	0,75	1,40

2.2	Đất quốc phòng	60,20	60,20	60,20	60,20	60,20	60,20
2.3	Đất an ninh						0,56
2.4	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	0,02	0,02	0,02	0,12	0,22	1,90
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85
2.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75
2.7	Đất sông, suối	9,93	9,93	9,93	9,93	9,93	9,93
2.8	Đất phát triển hạ tầng	168,74	169,09	172,63	178,45	185,04	195,39
2.9	Đất ở tại đô thị	42,92	44,07	45,57	49,07	51,57	55,67
3	Đất chưa sử dụng	19,69	19,69	19,69	19,69	19,69	19,69
B	Đất đô thị	1.612,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00	1.612,00

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Diện tích	Đơn vị tính: ha Phân theo các năm				
			2011	2012	2013	2014	2015
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	42,84	1,65	5,04	9,57	9,24	17,34
1.1	Đất lúa nước	4,35	0,85	1,00	1,00	1,00	0,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	5,34			0,98	1,95	2,41
1.3	Đất trồng cây lâu năm	17,43	0,80	2,00	4,25	2,95	7,43
1.7	Đất rừng sản xuất	15,72		2,04	3,34	3,34	7,00

Điều 3. Căn cứ vào quyết định này, UBND thị xã Buôn Hồ có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, nhiệm vụ quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái; có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khai thác để thực hiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của phường đã được phê duyệt.

2. Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt; khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

3. Việc thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cần phải thu hồi cả phần diện tích đất bên cạnh công trình kết cấu hạ tầng, vùng phụ cận để tạo nguồn vốn cho phát triển, tạo quỹ đất đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đồng thời ưu tiên cho người bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

4. Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu đô thị, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đai theo quy hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

6. Định kỳ hàng năm, UBND thị xã Buôn Hồ chỉ đạo UBND phường Bình Tân báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã Buôn Hồ; thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành./. *z*

Nơi nhận: *z*

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Các phòng: TH, TCTM, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT.

(24/07)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Khiết